

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 721/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án “Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp –  
Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 520/STNMT-CCBVMT ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 163/TTr-STNMT ngày 10 tháng 4 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện Hưng Hà, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Khai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Văn Hoàn**



**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của Dự án "Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp –**  
**Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà"**

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà.

Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

Đầu tư xây dựng công trình trên khu đất có diện tích là 35.269 m<sup>2</sup>, gồm: Nhà học, nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, nhà xưởng thực hành, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

- Nhà hiệu bộ 3 tầng, diện tích 600,5 m<sup>2</sup>.

- Nhà học 3 tầng, diện tích 1.358 m<sup>2</sup>.

- Nhà học bộ môn 2 tầng, diện tích 580 m<sup>2</sup>.

- Thư viện 1 tầng, diện tích 375 m<sup>2</sup>.

- Nhà đa năng 1 tầng, diện tích 450 m<sup>2</sup>.

- Nhà xưởng thực hành 1 tầng, diện tích 360 m<sup>2</sup>; nhà xưởng thực hành 1 tầng, diện tích 1.760 m<sup>2</sup>.

- Nhà bảo vệ 1 tầng, diện tích 26 m<sup>2</sup>.

- Khu vệ sinh 1 tầng, diện tích 217 m<sup>2</sup>.

- Lán xe học sinh 1 tầng, diện tích 1.983,5 m<sup>2</sup>; lán xe giáo viên 1 tầng, diện tích 254,5 m<sup>2</sup>.

- Sân thể dục thể thao diện tích 5.071,8 m<sup>2</sup>.

- Cây xanh diện tích 5.500 m<sup>2</sup>.

- Sân, đường diện tích 16.732,7 m<sup>2</sup>.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá

trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

#### **3.1. Nước thải, khí thải:**

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ thi công xây dựng khoảng  $6,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ; nước thải sinh hoạt khoảng  $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Tổng nitơ, Tổng phốt pho, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng  $8 \text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD<sub>5</sub>, Amoni, Tổng nitơ, Tổng phốt pho, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải.

#### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng  $25 \text{ kg}/\text{ngày}$  đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng  $150 \text{ kg}/\text{ngày}$  đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng  $106,5$  tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng  $5,6$  tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt, đào móng công trình khoảng  $12.866$  tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động đào tạo nghề, gồm: Vải vụn, chỉ thừa, lõi cuộn chỉ, ... từ đào tạo nghề may; dây điện, bỏ bọc dây điện, băng keo, thiết bị điện hỏng từ đào tạo nghề điện, ...; khối lượng khoảng  $50 \text{ kg}/\text{tháng}$ . Bùn thải từ bể tự hoại khoảng  $15 \text{ m}^3/\text{năm}$ .

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng  $246,95 \text{ kg}/\text{năm}$ , bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thải, giẻ lau dính dầu, chi tiết máy thải bỏ, pin, ắc quy thải, mẫu que hàn thải.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng  $47,5 \text{ kg}/\text{năm}$ , bao gồm: Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, chất thải nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, hoạt động của cán bộ, giảng viên, học viên.

### 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

#### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

##### 4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc thiết bị được thu gom, xử lý qua bể tách dầu mỡ, bể lắng, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho thi công, xây dựng; nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động 2 buồng, chất thải được lưu giữ, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, hệ thống rãnh thoát nước; bao gồm: 1.928,93 m rãnh thoát nước B300; 52 hố ga, 03 cửa xả.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D160 dài 365m về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C, nước thải sau xử lý được tái sử dụng, không xả ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể lọc chậm kết hợp khử trùng → Tái sử dụng.

##### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Lắp đặt hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm, thường xuyên bảo dưỡng phương tiện, máy móc thi công; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải... không để rơi vãi, thu gom đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, phun nước giảm bụi, vệ sinh phương tiện vận chuyển khi ra khỏi công trường.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh theo vị trí, diện tích đã quy hoạch; tăng cường vệ sinh hàng ngày, phun ẩm các tuyến đường nội bộ hạn chế bụi phát sinh; xây dựng trạm xử lý nước thải kín, vận hành trạm xử lý nước thải đúng quy trình, quy định.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

##### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Đất thải được thu gom, một phần tận dụng để trồng cây xanh, đắp taluy gia cố trong quá trình xây dựng, phần còn lại được chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, tập kết tạm thời trong khu

vực dự án, một phần được tận dụng san lấp mặt bằng, phần còn lại chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ bằng các thùng chứa tại khu vực vệ sinh, văn phòng, lớp học; hàng ngày được tập kết, chuyển giao cho tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ đào tạo nghề được thu gom, lưu giữ tại kho chứa diện tích 7m<sup>2</sup>; hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Sử dụng 03 thùng nhựa thể tích 100 lít/thùng có nắp đậy kín, có dán nhãn chất thải nguy hại lên vỏ thùng, đặt tại nhà xưởng thực hành, ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào buổi trưa, buổi tối, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng.

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, tiếng ồn.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý./.

